

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KBANG
TỈNH GIA LAI**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **20/2020/DS-ST**.

Ngày: 09/12/2020.

“V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KBANG-TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thi.

2. Ông Phan Đình Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lê - Thư ký Toà án nhân dân (TAND) huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân (VKSND) huyện Kbang, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nông Trường Sinh-Kiểm sát viên (KSV).

Ngày 09/12/2020, tại trụ sở TAND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 54/2020/TLST-DS ngày 19/6/2020 về việc: *“Tranh chấp hợp đồng tín dụng”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2020/QĐXXST-DS ngày 02/11/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (sau đây gọi tắt là Ngân hàng);

Địa chỉ: Số 2 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thanh B, chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Kbang Đông Gia Lai.

Địa chỉ: Số 35 Võ Thị Sáu, thị trấn K, huyện K, tỉnh G.

- Bị đơn: Bà Trần Thị L, sinh năm 1957;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Xuân C, sinh năm 1952; Cùng địa chỉ: Tổ dân phố 9 (trước đây là TDP 14), thị trấn K, huyện K, tỉnh G.

Ông B vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, bà L và ông C lần thứ hai vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, được bổ sung tại bản tự khai ngày 23/6/2020 và biên bản hòa giải ngày 30/10/2020, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đỗ Thanh B trình bày:

Ngày 04/3/2008, vợ chồng bà Trần Thị L và ông Phạm Xuân C đã vay vốn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (NN&PTNT) Việt Nam thông qua Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam chi nhánh huyện Kbang Đông Gia Lai với số tiền nợ gốc là 220.000.000 đồng (*hai trăm hai mươi triệu đồng*) theo Hợp đồng tín dụng số: 416/HĐTD ngày 04/3/2008, mục đích sử dụng tiền vay: Chăn nuôi bò sinh sản 40 con, thời hạn cho vay là 42 tháng kể từ ngày 04/3/2008 (*kỳ hạn trả nợ được chia làm 02 kỳ: kỳ 01 ngày 04/3/2010, ông bà phải trả số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng và kỳ 02 ngày 04/9/2011, ông bà trả số tiền nợ gốc 120.000.000 đồng còn lại*), hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 04/9/2011, lãi suất cho vay trong hạn là 1,45%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% so với lãi suất vay đã thỏa thuận; khoản vay này được bảo đảm bằng Hợp đồng thế chấp tài sản số 416/HĐTC ngày 04/3/2008, Hợp đồng bảo đảm đã đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 10/3/2008, tài sản bảo đảm là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số AA 220051 do Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Kbang cấp ngày 30/6/2004.

Sau khi vay vốn, bà L và ông C đã sử dụng vốn vay không hiệu quả. Đến ngày 05/3/2010, ông bà không trả được nợ gốc (100.000.000 đồng) kỳ 01 đúng hạn nên Ngân hàng đã chuyển số tiền nợ gốc này sang nợ quá hạn.

Ngày 03/12/2010, ông bà trả được số tiền lãi là 42.175.100 đồng (lãi từ ngày 25/3/2008 đến ngày 25/4/2009).

Đến hạn trả nợ cuối cùng ngày 05/9/2011, ông bà vẫn không trả được nợ theo đúng cam kết nên Ngân hàng đã chuyển nợ quá hạn đối với toàn số tiền nợ gốc là 220.000.000 đồng.

Vào ngày 04/7/2012, ông bà trả nợ với số tiền là 10.000.000 đồng, do xét ông bà gặp khó khăn nên Ngân hàng đã tạo điều kiện thu nợ gốc trước và thu lãi sau. Vì vậy, tính đến ngày 04/7/2012, ông bà còn nợ gốc 210.00.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 104.676.000 đồng và nợ lãi quá hạn là 27.351.000 đồng.

Đến ngày 28/6/2013, ông bà trả số tiền nợ là 150.00.000 đồng, Ngân hàng vẫn ưu tiên thu nợ gốc trước nên tính đến ngày này, ông bà còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là 60.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 129.060.500 đồng và nợ lãi quá hạn là 39.543.250 đồng.

Ngày 26/8/2013, Ngân hàng tiếp tục ưu tiên thu nợ gốc số tiền 25.000.000 đồng và thu nợ lãi số tiền 4.993.959 đồng nên tính đến ngày này, ông bà còn nợ Ngân hàng 35.000.000 đồng nợ gốc, 135.185.292 đồng nợ lãi trong hạn và 40.108.667 đồng nợ lãi quá hạn. Từ đó đến nay, mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhắc nhở nhưng ông bà vẫn không trả được nợ gốc và lãi còn lại.

Vì vậy, tính đến hết ngày 05/6/2020, bà L và ông C còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là 35.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 152.880.430 đồng và nợ lãi quá hạn là 53.950.194 đồng (*các khoản lãi tạm tính đến ngày 05/6/2020*). Ngân hàng

khởi kiện yêu cầu ông bà phải trả ngay cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ này, tổng cộng là 241.830.624 đồng

Tại Bảng kê tính lãi bổ sung, Ngân hàng yêu cầu bà L và ông C phải trả thêm số tiền nợ lãi trong hạn và quá hạn phát sinh từ ngày 06/6/2020 đến ngày 09/12/2020 (*ngày xét xử sơ thẩm*) lần lượt là 2.090.764 đồng và 1.045.382 đồng; tổng cộng Ngân hàng yêu cầu ông bà phải trả nợ là 244.966.770 đồng, gồm: Nợ gốc là 35.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 154.971.194 đồng và nợ lãi quá hạn là 54.995.576 đồng.

Ngoài ra, do thỏa thuận của hai bên tại Hợp đồng tín dụng nên Ngân hàng còn yêu cầu; Trường hợp bà L và ông C không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng thông qua Ngân hàng NNN&PTNT Việt Nam chi nhánh huyện Kbang Đông Gia Lai có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm của ông bà để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Nếu việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho Ngân hàng, Ngân hàng thông qua Ngân hàng NNN&PTNT Việt Nam chi nhánh huyện Kbang Đông Gia Lai có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông bà để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Các tài liệu, chứng cứ được nguyên đơn giao nộp, gồm:

-01 Quyết định ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án số 2965/QĐ-NHNo - PC ngày 27/12/2019 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (bản sao);

-01 Giấy ủy quyền số 180/NHNNKBGL-TH ngày 05/6/2020 (bản chính);

-01 Sổ hộ khẩu mang tên Phạm Xuân C (bản sao);

-01 Giấy CMND mang tên Trần Thị L (bản sao);

-01 Giấy đề nghị vay vốn ngày 04/3/2008 của hộ gia đình ông Phạm Xuân C và bà Trần Thị L (bản sao);

-01 Hợp đồng tín dụng số 416/HĐTD ngày 04/3/2008 giữa Agribank chi nhánh huyện Kbang Đông Gia Lai với bà Trần Thị L (bản sao);

-01 Hợp đồng thế chấp tài sản số 416 ngày 04/3/2008 giữa bên nhận thế chấp là Agribank chi nhánh huyện Kbang Đông Gia Lai với bên thế chấp là bà Trần Thị L và đồng sở hữu ông Phạm Xuân C (bản sao);

-01 Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 04/3/2008 giữa bên nhận thế chấp là Agribank chi nhánh huyện Kbang Đông Gia Lai với bên thế chấp là bà Trần Thị L và ông Phạm Xuân C (bản sao);

-01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AA 220051 cấp ngày 30/6/2004 (bản sao);

-01 Thông báo chuyển nợ quá hạn ngày 05/6/2020 (bản sao);

-01 Giấy cam kết trả nợ gốc, lãi tiền vay ngân hàng của bà Trần Thị L ngày 14/3/2011 (bản sao);

-02 Giấy cam kết trả nợ vay ngân hàng của bà Trần Thị L ngày 25/10/2011 và ngày 13/10/2016 (bản sao);

-10 Biên bản làm việc v/v giải quyết nợ vay ngân hàng quá hạn ngày 10/5/2014, ngày 15/3/2016; ngày 05/4/2017; ngày 03/6/2017; ngày 15/10/2017; ngày 26/3/2018; ngày 26/4/2018; ngày 15/3/2019; ngày 15/11/2019 và ngày 06/4/2020 (đều là bản sao);

-01 giấy mời giải quyết nợ vay ngân hàng ngày 01/6/2017 (bản sao);

-01 Bảng kê tạm tính lãi (bản chính).

Đối với bị đơn bà Trần Thị L, tại bản tự khai ngày 07/7/2020 và biên bản hòa giải ngày 30/10/2020, bà trình bày:

Bà thừa nhận vào ngày 04/3/2008, vợ chồng bà đã vay vốn tại Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam thông qua Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam chi nhánh huyện Kbang Đông Gia Lai với số tiền nợ gốc là 220.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 416/HĐTD ngày 04/3/2008, mục đích sử dụng tiền vay: Chăn nuôi bò sinh sản 40 con, thời hạn vay là 42 tháng, hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 04/9/2011, lãi suất tiền vay 1,45%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150%/mức lãi suất ghi trên giấy nhận nợ tính cho số dư nợ thực tế quá hạn; khoản vay này được bảo đảm bằng Hợp đồng thế chấp tài sản số 416/HĐTC ngày 04/3/2008, Hợp đồng bảo đảm được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 10/3/2008, tài sản thế đảm bảo là GCNQSDD số AA 220051 do UBND huyện Kbang cấp ngày 30/6/2004.

Trong thời gian vay vốn, gia đình bà cũng sử dụng đúng mục đích là để chăn nuôi bò sinh sản nhưng do làm ăn thua lỗ nên không đủ khả năng trả nợ gốc và nợ lãi như đã cam kết. Ngân hàng đã tạo điều kiện cho gia đình bà ưu tiên trả tiền nợ gốc trước nên từ ngày 03/12/2010 đến 26/8/2013, gia đình bà đã trả cho Ngân hàng được số tiền nợ gốc 185.000.000 đồng và 47.169.059 đồng tiền lãi. Nay Ngân hàng khởi kiện thì bà thừa nhận và chấp nhận trả cho Ngân hàng tổng số tiền còn nợ tính đến hết ngày 05/6/2020 là 241.830.624 đồng, bao gồm: Nợ gốc là 35.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 152.880.430 đồng và nợ lãi quá hạn là 53.950.194 đồng, cũng như trả số tiền lãi phát sinh từ ngày 06/6/2020 cho đến khi ông bà thanh toán xong khoản nợ. Tuy nhiên, do hiện nay gia đình bà gặp rất nhiều khó khăn về kinh tế nên bà xin thời gian là 2 tháng để ông bà lo tiền trả nợ.

Bà đồng ý là trường hợp vợ chồng bà không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng thông qua Ngân hàng NN&PTNT chi nhánh huyện Kbang Đông Gia Lai có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm của ông bà để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Nếu việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho Ngân hàng thông qua Ngân hàng NN&PTNT chi nhánh huyện Kbang Đông Gia Lai có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của vợ chồng bà để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Xuân C:

Sau khi thụ lý vụ án, TAND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai đã triệu tập ông C đến Tòa án làm việc để nhận thông báo thụ lý vụ án, làm bản tự khai trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tham gia phiên công khai chứng cứ và hoà giải do Tòa án tổ chức nhưng ông không chấp hành có mặt làm việc nên Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa lần thứ nhất mở vào ngày 20/11/2020 và tại phiên tòa hôm nay, mặc dù Tòa án đã được tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng tại phiên tòa hợp lệ nhưng ông C và bà L đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo như quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) năm 2015.

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh:

Ông Phạm Xuân C, sinh năm 1952 và bà Trần Thị L, sinh năm 1957, có địa chỉ tại: TDP 9, thị trấn Kbang, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai; điều này được thể hiện qua giấy CMND mang tên Trần Thị L (bản sao) và Sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ Phạm Xuân C (bản sao).

Tại phiên tòa, KSV phát biểu quan điểm của VKSND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai về việc giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS năm 2015. Đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã không thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS năm 2015.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) căn cứ các Điều 26, 35, 39, 91, 93, 94, 95, 96, 108, 144, 147, 157, 158, 180, 227, 228, 238 và 266 của BLTTDS năm 2015; Áp dụng các Điều 280, 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật dân sự (BLDS) năm 2015; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam, buộc bị đơn bà Trần Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Xuân C phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ là 244.966.770 đồng, gồm: Nợ gốc là 35.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 154.971.194 đồng và nợ lãi quá hạn là 54.995.576 đồng (*các khoản lãi tính đến ngày 09/12/2020*).

Sau ngày Tòa án tuyên án, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tiếp tục phải chịu lãi quá hạn theo quy định.

Buộc bà L và ông C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (DSST) theo quy định, Ngân hàng được hoàn trả tạm ứng án phí DSST đã nộp.

Buộc bà L và ông C phải chịu số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 5.000.000 đồng trả cho Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

Việc vay vốn giữa bà L và ông C với Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam được thể hiện qua Hợp đồng tín dụng số 416/HĐTD ngày 04/3/2008 là sự thỏa thuận tự nguyện giữa các bên, phù hợp với quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành. Vì vậy, sau khi vay vốn, bà L và ông C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết trong Hợp đồng tín dụng, buộc Ngân hàng khởi kiện đòi nợ là thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai theo như quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS năm 2015.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, HĐXX thấy rằng: Chứng cứ do Ngân hàng cung cấp là Hợp đồng tín dụng số 416/HĐTD ngày 04/3/2008 được ký kết giữa Ngân hàng với bà L và ông C đã thể hiện rõ việc Ngân hàng cho ông bà vay số tiền nợ gốc là 220.000.000 đồng, mục đích sử dụng tiền vay: Chăn nuôi bò sinh sản 40 con, thời hạn cho vay là 42 tháng kể từ ngày 04/3/2008 (*kỳ hạn trả nợ được chia làm 02 kỳ: kỳ 01 ngày 04/3/2010, ông bà phải trả số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng và kỳ 02 ngày 04/9/2011, ông bà phải trả số tiền nợ gốc còn lại là 120.000.000 đồng*), hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 04/9/2011; lãi suất cho vay trong hạn là 1,45%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% so với lãi suất vay đã thỏa thuận; khoản vay này được bảo đảm bằng Hợp đồng thế chấp tài sản số 416/HĐTC ngày 04/3/2008, Hợp đồng bảo đảm đã đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 10/3/2008, tài sản bảo đảm là GCNQSDĐ số AA 220051 do UBND huyện Kbang cấp ngày 30/6/2004.

Sau khi vay vốn, bà L và ông C sử dụng vốn vay không hiệu quả, không trả được nợ gốc và lãi theo cam kết mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở ông bà trả nợ. Điều này thể hiện việc ông bà đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay, buộc Ngân hàng phải chuyển khoản nợ của ông bà thành nợ quá hạn và khởi kiện đòi nợ là có cơ sở.

Quá trình giải quyết vụ án, bà L chỉ tham gia một phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; còn lại, bà và ông C luôn vắng mặt trong các lần Tòa án triệu tập làm việc, không chấp hành các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, tự chối bỏ quyền tham gia tố tụng của mình; điều này đã thể hiện rõ việc ông bà có vay nợ của Ngân hàng nên ông bà phải có nghĩa vụ trả nợ.

Từ những phân tích như trên, xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với bà L và ông C là có căn cứ và đúng pháp luật nên được HĐXX chấp nhận toàn bộ: Buộc bà L và ông C phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 35.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 154.971.194 đồng và nợ lãi quá hạn là 54.995.576 (*các khoản lãi tính đến ngày 09/12/2020*), tổng cộng là 244.966.770 đồng.

Tại Hợp đồng tín dụng số 416/HĐTD ngày 04/3/2008 giữa hai bên đương sự có thỏa thuận về việc bà L và ông C nếu không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng thông qua Ngân hàng NNN&PTNT Việt Nam chi nhánh huyện Kbang Đông Gia Lai có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm của ông bà để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Nếu việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng thông qua Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam chi nhánh huyện Kbang Đông Gia Lai có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu của ông bà để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Xét thỏa thuận này của hai bên là tự nguyện và đúng pháp luật nên Ngân hàng có các quyền này khi yêu cầu thi hành án đối với nghĩa vụ trả nợ của bà L và ông C.

Ngày 13/8/2020, TAND huyện Kbang đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp là thửa đất số 85, tờ bản đồ số 31 thuộc GCNQSDĐ số AA 220051 của UBND huyện Kbang cấp ngày 30/6/2004 cho ông Phạm Xuân C và bà Trần Thị L. Qua thẩm định đã xác định thửa đất thế chấp đúng diện tích

679,5m² (400m² đất ở và 279,5m² đất vườn) tại TDP 9, thị trấn Kbang, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai; đúng vị trí, số tờ, số thửa so với GCNQSDĐ số AA 220051 ngày 30/6/2004 và không có tranh chấp với bên thứ ba.

[3] Về án phí DSST: Do yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận toàn bộ nên bà L và ông C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật là 12.248.338 đồng. Hoàn trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận toàn bộ nên bà L và ông C phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*). Do Ngân hàng đã nộp toàn bộ số tiền này nên bà L và ông C phải hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền đã chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 91, 93, 94, 95, 96, 108, 144, 147, 155, 156, 157, 158, 227, 228, 238 và 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 280, 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam, buộc bị đơn bà Trần Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Xuân C phải trả cho Ngân hàng thông qua Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam chi nhánh huyện Kbang Đông Gia Lai số tiền nợ phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số 416/HĐTD ngày 04/3/2008, gồm: Nợ gốc là 35.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 154.971.194 đồng và nợ lãi quá hạn là 54.995.576 đồng (*các khoản lãi tính đến ngày 09/12/2020*), tổng cộng là 244.966.770 đồng (*hai trăm bốn mươi bốn triệu chín trăm sáu mươi sáu nghìn bảy trăm bảy mươi đồng*).

Trường hợp bà L và ông C không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng thông qua Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam chi nhánh huyện Kbang Đông Gia Lai có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm của ông bà theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 416/HĐTD ngày 04/3/2008, Hợp đồng bảo đảm đã đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 10/3/2008, tài sản bảo đảm là GCNQSDĐ số AA 220051 do UBND huyện Kbang cấp ngày 30/6/2004 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Nếu việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng thông qua Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam chi nhánh huyện Kbang Đông Gia Lai có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông bà để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ

gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự (LTHADS) thì người được thi hành án dân sự (THADS), người phải THADS có quyền thỏa thuận thi hành án (THA), quyền yêu cầu THA, tự nguyện THA hoặc bị cưỡng chế THA theo các Điều 6, 7 và 9 của LTHADS; thời hiệu THA được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của LTHADS.

Về án phí và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

Buộc ông Phạm Xuân C và bà Trần Thị L phải chịu án phí DSST là 12.248.338 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam thông qua Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam chi nhánh huyện Kbang Đông Gia Lai số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp là 6.045.765 đồng theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số: 0003423 ngày 18/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

Ông Phạm Xuân C và bà Trần Thị L có trách nhiệm hoàn trả lại số tiền 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ cho Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam thông qua Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam chi nhánh huyện Kbang Đông Gia Lai.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu TAND tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Kbang;
- Chi cục THADS huyện Kbang;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Nguyên

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Kbang;
- Chi cục THADS huyện Kbang;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Nguyên

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Kbang;
- Chi cục THADS huyện Kbang;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA,VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Nguyên

3.050.000 đồng theo Phiếu thu ngày 21/8/2018 của TAND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai. Ngân hàng đã nộp đủ chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 91, 93, 94, 95, 96, 108, 144, 147, 180, 227, 228, 238 và 266 của Bộ luật tổ tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 280, 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật dân sự 2015;
Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

